TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-PT
Ngày: 15- 5- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/HSPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thiền Tấn P và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thiền Tấn P; sinh năm: 1987 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số 0, đường 0.1, phường 2, quận 3, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán (bị cáo khai tại phiên tòa); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị Hồng H; có một người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Hồ Minh N; tên gọi khác: T (bị cáo khai tại phiên tòa); sinh năm: 1991 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N1 và bà Trần Thị Diễm T; có vợ là Đinh Thị H1; có một người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Đỗ Thành N2; sinh năm: 1989 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L1 và bà Huỳnh Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Duy P1; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thiền Tấn P:* Luật sư Võ Thanh T2 – Văn phòng Luật sư Võ Thanh T2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên tại phiên tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thiền Tấn P là nhân viên của Viễn thông chi nhánh H2, Hồ Minh N và Đỗ Thành N2 là nhân viên của Công ty cổ phần xây lắp và dịch vụ bưu điện. Do P biết đoạn cáp điện thoại trên địa bàn ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang ít người sử dụng nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó, P gọi điện thoại rủ N và N2 cùng P đi cắt đoạn cáp nói trên thì N và N2 đồng ý. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/4/2018, P, N và N2 mang theo 01 cây thang bằng kim loại điều khiển xe mô tô đến trụ điện địa điểm nêu trên. N dùng máy đo tín hiệu điện thoại bàn để xác định đoạn cáp có người sử dụng hay không, sau đó N2 leo lên dùng kiềm cắt làm rớt đoạn cáp xuống, N và P ở dưới rút và quấn thành nhiều cuộn tròn, cắt được 374 mét. Sau đó cả ba đem số dây cáp này về cắt thành nhiều đoạn nhỏ, rút bỏ phần vỏ bao bằng nhựa bên ngoài và dùng lửa đốt để lấy lõi đồng. Sau khi đốt lấy được 60kg lõi đồng đem đi bán được 6.600.000đ, P chia cho mỗi người 2.200.000đ.

Đến ngày 22/4/2018, P điện thoại cho N và N2 kêu đi cắt cáp nhưng do N2 bận nên chỉ có P và N đi. Cả hai cắt được đoạn cáp dài 374 mét, đốt lấy được 63kg lõi đồng đem bán được 6.930.000đ, P và N chia đều cho nhau.

Tiếp đến vào các ngày 29/4/2018 và 06/5/2018 P, N và N2 tiếp tục đến cắt đoạn cáp tiếp theo, được 1063.5 mét, đốt được 177kg lõi đồng đem bán được 19.470.000đ, chia đều cho cả ba người.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL.ĐGTS ngày 06/8/2018 và Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL.ĐG ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện 3 kết luận:

Đoạn dây cáp bị mất trộm vào ngày 15/4/2018, có chiều dài 374 mét, có giá trị là 8.639.400đ.

Đoạn dây cáp bị mất trộm vào ngày 22/4/2018, có chiều dài 374 mét, có giá trị là 8.639.400đ.

Đoạn dây cáp bị mất trộm vào ngày 29/4/2018, có chiều dài 596 mét, có giá trị là 13.767.600đ.

Đoạn dây cáp bị mất trộm vào ngày 06/5/2018, có chiều dài 467.5 mét, có giá trị là 10.799.250đ.

Tổng giá trị đoạn dây cáp điện thoại màu đen, lõi bằng dây đồng, nhãn hiệu SACOM 2004 50 x 0.5, chiều dài 1.811.5 mét là 41.845.650đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thiền Tấn P, Hồ Minh N, Đỗ Thành N2 phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thiền Tấn P 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Minh N 10 (mười) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thành N2 08 (tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 chiếc xe mô tô màu bạc đen, biển số kiểm soát 65P5-7829 của bị cáo P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, các bị cáo Đỗ Thành N2, Hồ Minh N có đơn kháng cáo. Bị cáo N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 01 tháng 02 năm 2019, bị cáo Lê Thiền Tấn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo và yêu cầu xem xét trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65P5-7829.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" là chưa đúng với quy định, cần rút kinh nghiệm, bởi lẽ các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng vụ án này nên không thể xem là phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, không làm xấu thêm tình trạng của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P cho rằng trước đó bị cáo P chưa từng bị kết án nên cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" là đúng với quy định của pháp luật. Bị cáo P có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phía bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo P.

Đối với kháng cáo xin nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65P5-7829 là do chiếc xe này là của mẹ bị cáo P mua cho bị cáo, hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn, chiếc xe là phương tiện sử dụng chung cho cả gia đình nên đề nghị được nhận lại chiếc xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Lê Thiền Tấn P, Hồ Minh N, Đỗ Thành N2 có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và

Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2018 đến ngày 06/5/2018, lợi dụng địa điểm vắng vẻ và sự sơ hở trong quản lý tài sản của Viễn Thông H2, các bị cáo P, N và N2 đã nhiều lần lén lút cắt trộm dây cáp điện thoại của Viễn Thông H2 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản trộm cắp tài là 41.845.650đ, trong đó bị cáo P và N đã tham gia cả 04 vụ; bị cáo N2 tham gia 03 vụ, giá trị tài sản của 03 vụ này là 33.206.250đ. Với hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo P mức án 12 tháng tù, bị cáo N mức án 10 tháng tù và bị cáo N2 mức án 08 tháng tù là không nặng, mức án này hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, bị cáo P và bị cáo N thực hiện 04 vụ trộm cắp, bị cáo N2 thực hiện 03 vụ trộm cắp, tất cả đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối chiếu với quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Đối với tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo hưởng "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, vì trong vụ án này các bị cáo phạm tội nhiều lần, Hội đồng xét xử xét thấy cần rút kinh

nghiệm đối với cấp sơ thẩm và không làm bất lợi cho các bị cáo nên giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65P5-7829 của bị cáo P, Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo P đã sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu chiếc xe biển kiểm soát 65P5-7829 sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với phần bào chữa của Luật sư đề nghị cho bị cáo P được hưởng án treo là không phù hợp với khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thiền Tấn P, Hồ Minh N, Đỗ Thành N2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thiền Tấn P, Hồ Minh N, Đỗ Thành N2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thiền Tấn P 12 (mười hai) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Minh N 10 (mười) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thành N2 08 (tám) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu bạc – đen, BKS: 65P5-7829, số máy HC09E-6141135, số khung: RLHHC090X6-141939 của bị cáo P: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Lê Thiền Tấn P, Hồ Minh N, Đỗ Thành N2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQĐT, Chi cục THADS huyện Châu Thành A.
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Hoàng Lâm **Nguyễn Hồ Tâm Tú** **Nguyễn Đình Tiến**